

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢ

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richau

慧 燭 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUO
Chánh hội trưởng
hội Phật Giáo

Quản lý
CUNG-DINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bằng-Sở

Phó chủ bút
DUONG-VAN-HIEN
Sư cụ chùa Tổ-Cát



GÍA BẢO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

KÍNH TRÌNH CÁC GIÁO-HỮU HỘI-VIÊN HỘI PHẬT-GIÁO

Báo "Đức Tuệ" của hội ta ấn-hành là cốt điển dịch những kinh sách nhà Phật để cho hội-viên trong hội cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu-lành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả. Hội đã gửi biểu các ngài quyền nhất. Nếu đến quyền thứ hai mà ngài nào không gửi lại thì xin cứ ghi tên vào sổ mua báo rồi trong một vài tháng ngài sẽ gửi tiền ở ông chánh đại-biểu địa-phương ngài gửi cho.

HI Ộ P THƯ

Ông Đào-thiệu-Luận, chánh đại biểu đại-lý hội Phật-giáo Thái-bình. Ông gửi lên các măng-da 10p.35 về số tiền 11 vị mua báo do ông giới-thiệu, chúng tôi đã nhận được rồi, rất cảm ơn ông và mong ông cứ hết sức cổ-động người mua báo cho hội.

Ông Thiệu-Bào Hải-phòng. Chúng tôi đã nhận được ảnh và thư của ông xin làm phóng-sự, nhưng còn phải đợi trình Hội-đồng Quản-trị hội có chuẩn nhận mới được. Ông bằng lòng hãy đợi vậy.

Ông Nguyễn-thiện-Chính Văn-lâm. Tập tiểu-thuyết (cả bà tựa) bài phú và bài thơ của tiên-sinh gửi đăng vào báo, chúng tôi đã nhận được xin cảm ơn.

Ông Quan-Nhượng Thanh-hóa. Bài ca của ông gửi đăng vào báo, chúng tôi đã nhận được xin cảm ơn.

Ban Đại-lý hội Phật-giáo Bình-giang

Kính cáo các hội-viên,

Những hội-viên vào hội từ tháng 7 tây cho đến tháng chạp tây chưa đóng tiền vào hội và tiền liên-liêm, vậy sắp hết năm tây, xin các hội viên đóng cho hết, để tiện việc sổ sách cuối năm những tiền nhập hội và tiền liên-liêm, xin mang lại các chùa có kỳ khai-giảng ngày 16 và ngày mồng 1, hay là mang lại tại nhà Lưu-quy Vô-dinh-Hoạt, 49 rue Commerce hiệu Đức-lợi Kế-sắt.

ĐẠO PHẬT CÓ QUAN-THIỆT VỚI SỰ SỐNG CỦA ĐỜI NGƯỜI

(Tiếp theo kỳ trước)

ĐẠO của tôi cùng tôi xin nói các lẽ để biện hộ những người ta phê-báng Phật giáo, và cùng bàn với các anh em, chị em, xem nên làm thế nào để Phật-giáo có thể chấn-hưng lên được ?

Xưa nay tín-ngưỡng Phật-giáo, nhất là phái nhà nho bên nước Tàu, mà chỉ-chích Phật-giáo, cũng nhất là phái nhà nho ở bên nước Tàu. Như đời nhà Đường có các ông Bùi Hưu, Bạch-cur-Dị, Tiêu-vũ, đời Tống có các ông Phùng-nhữ-Tiếp, Lý-tuân-Húc, Tô-đông-Pha, xem trong sách Truyền-dãng-lục, thời các ông ấy đều ham thuyên mô đạo cả. Mà về phái dèm chê đạo, Phật, thì đời Đường có ông Hán-Dũ, đời Tống có ông Âu-dương-Tu, rồi các nhà nho về đời sau, cũng đua nhau mà bài bác.

Người thì chê rằng : « Phật giả ri dịch chi nhất pháp nhĩ » nghĩa là : Phật-pháp chẳng qua là một phép thuật ở nơi rợ mọi. Nhưng mà xem trong sách Nho chép rằng : vua Thuấn sinh ở đất Chư-phùng, là người rợ ở phương Đông, vua Văn-vương sinh ở đất Kỳ-Chu là người rợ ở phương Tây, vậy mà vua Thuấn, vua Văn-vương đều là bậc đại-thành-nhân cả, chúng ta có thể lấy ý chấp-nệ rằng : các ngài ấy sinh ra ở nơi rợ-mọi, mà kính thường được ư ? Vả lại, đức Khổng-tử có nói : « công hồ dị đoan tự hai dã dĩ. » Nghĩa là chuyên tâm học về phép thuật dị đoan, là một mối hại ; mà đức Khổng-Tử khen đức Phật là bậc đại thánh nhân ở phương Tây, thời chắc rằng : Ngài đã suy xét đạo Phật không phải là dị-doan, cho nên ngài mới tôn trọng như thế.

Người thì chê rằng : « hậu thế sự Phật tiếm cần, niên đại vưu súc » nghĩa là : vua đời sau thờ Phật mỗi ngày thêm kính cần, mà các đời vua ấy hưởng thọ không được

mấy. Vậy thời đời thượng cổ chưa có thờ Phật, mà vua Ngoai-Bình làm vua chỉ được 2 năm, vua Trọng-Nhâm làm vua chỉ được 4 năm, thế là lỗi tại đâu ? Lại như đức Khổng-tử nói rằng : Nhân giả thọ, nghĩa là người có nhân thì được sống lâu, mà ông Nhan-Tử là người rất nhân lại chết non, vậy thời ta cũng cố chấp điều này mà bảo lời nói đức Khổng-Tử là không thực-nghiệm ư ?

Người thì chê rằng : Vua Lương-vũ-đế sùng Phật mà chóng mất nước, Phật cũng không cứu, nhưng biết đâu rằng ông Lương-vũ-đế hoặc có cái nghiệp-quả xấu, không thể tránh được tai vạ, cho nên đến nỗi thế.

Người thì chê đạo Phật xuất gia xa bỏ cha mẹ, là không hợp đạo hiếu. Nhưng mà trong kinh Phật có dạy rằng : « tri-giới đương hành hiếu », nghĩa là : giữ pháp-giới của đạo Phật, thời nên hết đạo hiếu-thảo. Và Phật dạy trong kinh lễ sáu hương rằng : Nên ở với cha mẹ, vợ chồng, anh em, bạn hữu và con cái cho hết đạo làm người ; như thế, thì đạo Phật rất trọng đạo luân-thường, sao lại bảo là trái với đạo hiếu ?

Người thì chê đạo Phật xuất-gia không có vợ con, nếu ai cũng như thế, thì loài người có ngày tuyệt-diệt, thế là có tội ác với đời.

Nhưng mà đạo Phật là đạo cứu đời, đến cả loài súc-sinh còn không muốn giết hại, để cho giống nòi sinh-vật đều được sinh sôi nảy nở mãi mãi, huống chỉ là lòng hiếu-sinh của Phật đối với loài người, muốn cứu kẻ trăm luân trường sinh nơi lạc-quốc, thì quảng-đại biết là giởng nào ! Còn như xuất-gia mà không lấy vợ để con thời đức Thích-pháp-sư đã giải ở trong kinh Duy-ma rằng : « Bất súc thê-tử giả, sử-kỳ sự dẫn lụy khinh, đạo nghiệp dị thành-giã. » Nghĩa là : kẻ xuất-gia không có vợ con, là muốn tránh khỏi cái gánh nặng gia đình, nhẹ bớt cái hệ-lụy vợ con, để cho đạo-nghiệp được chóng thành ; chứ không phải là đạo Phật bắt buộc chúng-sinh nhất-thiết phải xuất-gia cả.

Người thì chê đạo Phật lấy nhữn thuyết họa-phúc báo-ứng là lẽ u-huyền, cổ-hoặc người ta chứ không chắc có thực Nhưng mà xem trong sách Nho như kinh Dịch

nói rằng : « tích thiện chi gia, tất hữu dư khương tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương » Và kinh Thư nói rằng : « Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương. » Nghĩa là : nhà nào, người nào, tích điều thiện, thì được phúc lành, tích điều ác, làm điều ác, thì phải chịu tai vạ. Xem thế thì Phật-giáo không khác gì Nho-giáo, chẳng qua dạy người ta làm điều lành thì gặp lành, làm điều dữ thì gặp dữ, là cái lẽ báo-ứng tất nhiên như thế.

Người thi chề tin-dồ nhà Phật không cây-cậy mà ngồi ăn không ; nhưng họ không biết rằng : Phật có phép dao-canh hỏa-chúng, nghĩa là lấy dao mà cạy, đốt cỏ mà giồng. Đức Địa-tạng tự ngài thân hành đi cấy ruộng. Đức Duy-chính thuyền-sư thường sai chúng nhân đi khẩn ruộng và ngài nói rằng : « Đại-chúng vị lão-tăng khai điền, lão-tăng vị đại-chúng thuyết-pháp. » Nghĩa là : chúng nhân vì sư-già này khẩn ruộng, sư-già này vì chúng nhân giảng thuyết Phật pháp. Đức Đại-trí thuyền-sư cũng nói rằng : « nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực » Nghĩa là : ngày nào không làm việc gì thời ngày ấy không ăn. Xem thế thì tin đồ nhà Phật tuy rằng không khỏi người hay kẻ dở, nhưng không phải đều là hạng ăn không ngồi rồi cả. Trong bài luận Hộ-pháp của ông Trương-thương-Anh, có nói rằng : « những sự giàu sang, Phật còn bỏ cả không thiết gì, huống chi là sự ăn uống nhỏ-nhặt thời 1 hạt cỏ thiết gì. lúc đói, phải xin chúng sinh bố-thí cho ăn, là chịu tự-hạ với chúng sinh, để nên bỏ cái thói kiêu-ngạo đi. » Nhời ông Trương nói như thế, tôi tưởng là đúng lẽ lắm.

Nay ta muốn tôn Phật-giáo, thời các ngài liệu nghĩ nên dùng cách thế nào ? Ý riêng tôi thiếu-nghĩ, trước hết phải hỏi trong tâm mình có nhất tâm tin ngưỡng mới được. Sách Phật có câu rằng : « vạn vật giai ảo, đài thanh kính giả, vạn vật giai thanh, đài hoàng kính giả, vạn vật giai hoàng, duy tâm vi tối chân. » Nghĩa là : muốn vật trong thế-gian đều là giả dối cả, đeo cái kính xanh, thời trông vật gì cũng xanh, đeo cái kính vàng thì trông vật gì cũng vàng, kỳ thực có phải là xanh là vàng đâu ; duy cái tâm mới rất là chân

thực. Và lại tâm mình có thể cảm được quỷ thần, chuyên được giới đức; nếu ta trước trót có tội lỗi gì, mà tâm mình tự biết sám hối là biết ăn-năn hối-cải cái lỗi trước, cũng như sách nho nói lá hối quả, cải quả, thời Giới Phật cũng chứng giám ngay cho. Sách Phật có câu rằng: « đồ-tử phóng dao, lập địa thành Phật ». Nghĩa là: người làm nghề giết trâu, giết lợn, trong lòng tự hối hận, vứt cái dao làm đồ-tễ đi, thề không làm nghề ấy nữa, thì đứng ngay đấy thành Phật được. Và như ông Lỗ chi-Thâm khi còn làm Hóa-thượng, theo lối Tống-giang khởi nghĩa ở Lương-sơn-hạc thời ngày nào cũng uống rượu xơi thịt chó, về sau có một ngày ông ấy sám-hối, thì tự-nhiên ngồi lên tòa-sen hóa thân thành Phật. Xem thế thì người Phật dạy rằng: « tam giới duy tâm tạo, tâm tác thiên-đường, tâm tác địa-ngục » Nghĩa là: tam giới bởi tâm mình tạo ra; thiên-đường hay địa-ngục cũng đều tự tâm mình làm ra cả, thực là không sai chút nào.

Vậy thời học đạo Phật, lấy chữ tâm làm thiết-yếu, mà phương-pháp thời phải tri giới. Vì rằng; tôn-chỉ đạo Phật tuy rằng cao-siêu, nhưng rút lại cốt ở 3 điều; một là giới, hai là định, ba là tuệ. Giới tức là 5 điều răn cũng như 5 đạo thường của Nho-giáo, là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín; không giết người và súc-vật là nhân, không trộm cắp của phi-nghĩa là nghĩa, không dan dâm là lễ, không nói dối là tín, không say rượu là trí. Định là thuyền định, nhập định, nghĩa là: đã tri-giới rồi, thời tâm-tri yên định, không có điều lợi-dục gì làm nao-dộng được; tức như sách nho nói rằng: « tri-chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh ». Nghĩa là đã biết làm việc gì cũng ở trong vòng chữ thiện, thời tâm hồn mới vững; vắng mà yên lặng. Tuệ là minh tâm kiến tính thành Phật, nghĩa là: tâm tính sáng suốt thành bậc chính-giác; tức như nho-giáo nói rằng: tận kỳ tâm giả tri kỳ tính, tri kỳ tính tắc tri thiên. » Nghĩa là hết lòng suy xét thời biết rõ cái bản tính của giới phú cho, đã biết tính thời biết cả đạo giới. Trong 3 bậc này, thời có qua bậc tri-giới mới tiến lên bậc định, có qua bậc định mới tiến lên bậc tuệ được; bởi thế, ta phải nên tri-giới trước đã.

Truyện Trúc-lâm tam-tổ

Đạo Phật khởi nguyên ra tự đức Thích-ca. Khi đức Thích-ca diệt độ thì đem chính-pháp nhân-tạng niết-bàn diệu-lâm mà truyền cho một vị đồ-đệ là ngài Ma-ha (1) Ca-diếp tôn-giả ; Ngài Ca-diếp là một vị tổ-sư đứng đầu trong 28 vị Tổ-Sư ở Tây-thiên Phật-quốc. Truyền 28 đời đến ngài Đạt-ma đại-sư thì Phật-giáo truyền sang nước Tàu, ngài Đạt-ma đại-sư đứng đầu trong 6 vị Tổ-sư đóng-độ.

Từ ngài Đạt-ma trở xuống 6 đời thì đến ngài Thần-Hội đại-sư, bấy giờ chính-pháp mới truyền vào nước Nam ta.

Trong thời-kỳ khuyết sử, sự kỳ tài không được tường, xét trong tập Thượng-sĩ ngữ-lục của ngài Trúc-Lâm đại-sĩ (tức là vua Nhân-tôn nhà Trần) thì chỉ thấy chép từ ngài Thuyền-nguyệt thuyền-sư rồi đến ngài Nguyễn Thái-tôn, ngài Định-Hương trưởng lão, ngài Viên-chiếu đại-sư rồi đến ngài Đạo tuệ thuyền-sư ;

Thuyền-phái của nước ta đại ước chia làm 3 tôn-phái :

Phái thứ nhất là phái Yên-tử, từ đức Thượng-lỗ Tiêu-dạo truyền đến ngài Tuệ-Trung thượng-sĩ rồi đến 3 vị Tổ-sư Trúc-Lâm, tôn-phái ấy truyền mãi đến giờ.

Phái thứ nhì là phái của ngài Chí nhân thuyền-sư.

Phái thứ ba là phái của ngài Nhất-thiền Hòa-thượng.

Hai phái thứ nhì và thứ ba thì đến nay ần hời không xét được ngành ngọn thế nào nữa. Cho hay người và đạo hai đảng phải nương tựa lẫn nhau ; người không có đạo thì không hoàn-toàn được phẩm-cách làm người ; đạo không có người thì cũng không xương mình mà ngày một mờ tối.

Thuyền-tôn phái Yên-tử mà lưu-truyền được đến giờ cũng là nhờ có các vị Tổ-sư thuần là những bậc cao-lăng đại-đức đã tu-trì được chính-pháp nên mới nổi đời được tâm-tôn mà hoàng-tuyên được pháp-chỉ của Phật-lỗ.

(1) Ma-ha tiếng Thiên-trúc, tức ta gọi là đại.

3 vị Tổ-sư ấy là :

1 — Ngài Trúc-Lâm đại-sĩ Điều-Ngự Giác-Hoàng, tức là vua Nhân-tôn triều nhà Trần, ngài làm vua được ít lâu rồi xuất-gia tu ở chùa Yên-tử. Ngài được chân-truyền của ngài Tuệ-Trung thượng-sĩ rồi truyền lại cho ngài Pháp-Loa.

2 — Ngài Pháp-Loa Tôn-giả, chịu y-bát của ngài Trúc-Lâm đệ-nhất tổ rồi truyền lại cho ngài Huyền-Quang

3 — Ngài Huyền-Quang tôn-giả thụ giáo ở ngài Pháp-Loa rồi truyền lại cho tôn-phái Trúc-Lâm. Truyền-tôn nước Nam ta mà thịnh-hành đến giờ thực là nhờ công đức của 3 ngài.

Kể trong tam tổ thì Ngài Trúc-Lâm đại-sĩ là đầu, nhưng đạo học của ngài Trúc-Lâm đại-sĩ thì sở đắc ở ngài Tuệ-Trung thượng-sĩ, nên trước khi nói đến sự-tiền của tam-tổ, ta cũng nên biết qua đến hạnh-trạng của ngài Tuệ-Trung thượng-sĩ.

Ngài Tuệ-Trung thượng-sĩ tên là Trần Quốc-Tảng, là con thứ đức Hưng-đạo đại-vương. Hai lần giặc Nguyễn lại xâm-phạm nước ta, ngài lập được nhiều chiến-công, được phong làm chức Hải-đạo Thái-bình trại tiết độ-sứ.

Ngài chỉ khi cao-siêu, phong-thần thanh-nhã, từ nhỏ đã có lòng ham mộ không-môn; nhân đến thăm ngài tiêu-dao thượng-sĩ, khế-ngô được huyền-chỉ, bèn tuyệt ý về đường công-danh, chuyên-tâm học đạo, sau lui về ở đất phong-ấp riêng của ngài là Vạn-niên-hương.

Ngài tuy quan cả quyền cao mà đối với người rất là giản-dị, ai hỏi han điều gì về đạo học, thì người tóm tắt nơi cương-yếu mà bảo cho đến nơi đến chốn; ngài khai đường thuyết pháp được rất nhiều đồ đệ đến tham học; ngài dạy người, trước hết bảo cho yên trụ tâm tinl, tâm linh có d nh thì mới khai-phát được trí-tuệ mà rõ được chân-tâm.

Một ngày có người đồ-đệ hỏi ngài rằng : « người ta ở đời, sống chết rất vô-thường, vậy cái thân này khi sinh ra từ đâu mà lại, và lúc chết thì đi đâu ? » Ngài trả lời bằng 2 câu kệ : « Trường-không tung sử song phi-cốc, cự-hải hà phương nhất điểm âu » ý nói đời người ta luân-hồi sinh tử cũng như 2 cái bánh xe bay ở trên không-gian và

một cái bọt nước ở ngoài bề nhờn (hai bánh là trở vào mặt gờ và mặt giăng).

Câu ấy giải nghĩa như sau này: người ta ở đời mà có sống chết đều là cái nghiệp luân-hồi cả. Phật với chúng-sinh cũng cùng một chân-tâm, đều là một thể bình-dẳng như nhau. Vì Phật rõ được chân-tâm nên thoát được luân-hồi mà tiêu-đạo nơi cực lạc; còn chúng-sinh vì bị cái nghiệp vô-minh huân-nhiễm, nó làm mờ tối chân-tâm, nên cứ mê man lẫn lộn ở trong vòng sống chết; từ ngày vô-thủy đến giờ, sống chết luân-hồi đã không biết bao nhiêu là kiếp, hể kiếp này, đến kiếp khác, đời trước tạo nhân rồi đời sau chịu quả, không bao giờ thoát được vòng sinh tử luân-hồi, cũng vì như mặt gờ mặt giăng kia lặn rồi lại mọc, mọc rồi lại lặn, không bao giờ cho cùng. Tuy người đời cho sinh tử là một việc to tát, song cứ lấy cái luật luân-hồi trong vũ-trụ mà nói thì cũng không khác chi cái bọt ở trong bể lớn; một cái bọt dù nổi hay tan có quan hệ gì cho bể lớn, mà cái này tan, cái kia nổi, cứ lênh-đénh trong bể không biết đến đâu là cùng tận, ấy chỉ bởi vì không ngộ được chân-tâm đó thôi. Lấy con mắt ngộ mà trông kẻ mê, cũng như lấy con mắt tỉnh mà trông kẻ say, đáng thương là chừng nào! Ngài dạy người ta mà bảo cho yên-trụ tâm-tĩnh cũng là vì lẽ muốn cho người ta tìm đến cái chân-tâm đó.

Lại một ngày vua Nhân-Tôn hỏi ngài rằng: Trong Phật-giới cấm uống rượu và ăn thịt. Như chúng-sinh hằng ngày uống rượu và ăn thịt thì làm thế nào mà thoát được tội báo?

Ngài bảo rằng: « nay giả thiết có một người vô tình dưng quay đi, nhà vua đi sau lưng nó, nó không biết nhớ ném cái vật gì vào mình nhà vua, thì người ấy có đáng tội và nhà vua có giận nó không? chắc là không. Vì nó không có ý phạm tội.

Ngài lại thuật những câu kệ sau này để hiểu báo nhà vua:

喫草與喫肉 衆生各所屬

Khiết thảo dữ khiết nhục, chúng sinh các sở thuộc.

春來百草生 何處見罪福

Xuân lai bách thảo sinh, hà xứ kiến tội phúc.

Nghĩa là: Ăn cỏ và ăn thịt,
Tinh riêng của từng loài,

*Xuân về trẫm cố sinh,
Tội phúc có riêng ai ?*

Lại câu rằng : 心疑罪便生. Tâm nghi tội tiện sinh. Nghĩa là lòng có ngờ tội mọc ra ngay.

Ngài thuyết pháp rất la huyền diệu, các bậc đại-đức thập-phương về tham học rất đông.

Sau tuổi già, ngài về ở Dương-chân-trang. Khi ngài viên-tịch, nằm trên một tấm giường gỗ trong một cái nhà không trần thiết đồ đạc gì cả, nhắm mắt mà hóa. Ngài thọ được 62 tuổi, công đức ghi đề trong thuyền-tôn thực là vô lượng.

Giờ lên la hạnh-trạng của ngài Tuệ-Trung thượng-sĩ, tức là một vị sư-trưởng đã truyền-thụ tâm-ấn cho các đức tổ Trúc-Lâm.

Bây giờ tôi xin kể đến sự tích đức Trúc-Lâm đại-sĩ Điều-ngư-giác-Hoàng là Yên-tử sơn đệ nhất tổ.

Ngài là con vua Thánh-Tôn triều nhà Trần. Khi bà Nguyên-Thánh Hoàng-thái-hậu thụ thai sinh ra ngài, đêm nằm chiêm bao thấy thần nhân trao cho 2 thanh kiếm mà bảo rằng : Thượng-đế có sắc lệnh cho nhà ngươi tự chọn lấy. Thái-hậu mừng quá, rút lấy một thanh kiếm nhưng chỉ được một thanh ngắn ; từ đấy có mang rỗi sinh ngài. Khi ngài sinh ra, sắc đỏ như vàng, vì thế vua cha đặt tên cho là Kim-Phật, vai bên tay phải có mụn nốt ruồi to như hạt đậu, thầy tướng xem nói rằng : tướng này ngày sau hẳn đảm-nhiệm được đại-sư.

Năm ngài 16 tuổi được lập làm hoàng-thái-tử, ngài cố nhường cho em nhưng vua cha không thuận.

Một đêm kia, ngài trèo thành trốn đi, định vào núi Yên-tử, đi đến chùa Đông-Cửu thì giới sáng, người mệt lắm, mới lên vào nằm nghỉ ở trong tháp chùa, nhà sư thấy người trạng-mạo khác thường, mới làm cơm dâng ngài. Bấy giờ nhà vua biết tin, sai các quan đồ ra tứ xứ đi tìm, ngài bắt đắc dĩ phải về.

Kịp ngài lên ngôi Thiên-tử, tuy nhà vàng bệ ngọc mà ngài coi vẫn đứng-dưng, vẫn dữ một màu thanh-tịnh. Ngài thường nằm nghỉ ở trong chùa Tư-Phúc, chiêm bao thấy trên rốn nở một hoa sen to như bánh xe, trên hoa có một ông Phật sắc vàng, có người đứng bên chỉ ngài mà hỏi

rằng : có biết đức Phật này không? đây là đức Phật Biến-chiêu - tôn đó. Khi lĩnh dạy thuật chuyện với đức Thượng-Hoàng, Thượng-hoàng cũng lấy làm kinh dị. Từ đấy ngài chỉ ẩn chạy nhặt không dùng những thứ thịt cá huân-tinh nữa, đến nỗi long-nhan gãy vỡ ; Thượng-hoàng thấy thế lấy làm lạ, hỏi, ngài cứ thực tâu trình : Thượng - hoàng khóc mà phán rằng : Ta nay già rồi, việc nhà việc nước, trồng cây có một con, nếu con mà như thế thì còn công nghiệp của tổ tiên sao ? ngài nghe câu đó cũng thương cảm mà sa lụy. Song le, ham thuyền mộ đạo là thiên-tính của ngài, cho nên dù gánh gánh nặng giang san, không phò thác cho ai được, ngài phải làm cho trọn bổn-phận đối với tổ tiên, xã, tắc, nhưng trong khi nhân-hạ, ngài vẫn không dờn quyền kẻ hải kinh, ngài thường chiêu-tầm những thuyền-khách để bàn-bạc kinh điển. Ngài lại nhận được tham ngài Tuệ-Trung thượng-sĩ mà ngộ được huyền-đạo, thường lấy đạo thầy mà thờ ngài Tuệ-Trung.

Ngài lên ngôi vua từ năm mậu-dần đến năm kỷ-hợi cộng được 22 năm thì truyền ngôi cho con là vua Anh-lôn rồi vào núi Yên-tử, tinh-cần tu đạo, tự hiệu là Hương-vân đại đầu-đo, dựng ra chi-đề tinh-xá khai pháp độ tăng, môn đồ kẻ có hàng vạn.

Sau ngài lại đến chùa Phổ-minh phủ Xuân-trường, họp các bậc cao-tăng để giảng bản kinh sách. Và năm sau, ngài đi khắp các nơi, sức dân gian phá trừ các dâm-từ, không được thờ cúng nhảm, lại dạy tu-hành 10 điều thiện.

Xem một việc này đủ biết trong đời Trần, Phật-giáo xuong-minh là dường nào ? Phật giáo có xuong-minh thì lòng tin-nguỡng của người ta mới nhất-tri mà sự dị-doan bởi đó cũng bớt đi. Ai còn bảo Phật giáo là mê-tin được.

Đến năm giáp thìn, vua Anh-tôn dâng biểu thỉnh ngài vào đại-nội làm lễ thụ giới tại-gia bồ-tát. Khi ngài vào thành, vương-công và bách-quan đến mặc lễ-phục ra nghênh giá, đoạn bách quan cũng đều chịu giới-pháp.

Đọc đến đây, ta không khỏi lấy làm lạ, hỏi tưởng lại xã-hội bấy giờ, trong triều thì vua quan, ngoài thôn-dã thì sĩ

thứ, không ai là không tôn-sùng đạo Phật, có thể gọi là một nước Phật giáo cũng không phải là quá đáng. Còn gì hiền bằng Phật? còn gì từ bi bằng Phật? Thế mà một lần phá giặc Thái ở bến Đông-bộ, hai lần phá giặc Thái ở sông Bạch-đông, quốc-thể làm sao mà thịnh, dân khí làm sao mà hùng đến thế? Ấy cũng bởi cái tinh-thần của cái đức tinh-tiến, nhần-nhục, nó hàm súc đến cực điểm mà phát ra cái hào quang đồng mức vô-lượng, vô biên vậy. Ai bảo đạo Phật là đạo chán đời, đạo không hoạt-động, xin hãy đỡ pho Trần sử mà xem qua.

Đến năm mậu-thân, ngài đến chùa Vĩnh-nghiêm ph Lạng-giang kết hạ, sai ông Pháp-loa khai đường trụ. Ngài tự giảng tập Truyền-đăng-lục mà sai ông Quốc-sư Đạo-nhất giảng kinh Pháp-Hoa.

Hết khóa hạ ngài lại về Yên-tử.

Bấy giờ ngài lên ở am Tử-siêu, chỉ đề mười người thị giả theo hầu mà thôi, trong số đó thì có ông Pháp-Loa là thân-cận hơn cả, thường đêm ngày hầu hạ ngài. Từ đây ngài thường đi khắp các nơi nhàm-động để lãm thắng và tọa thuyền.

Ông Pháp-loa thấy ngài đã già-yếu mà đi lại vất-vả như thế, bèn bạch rằng: Tôn-đức năm nay xuân thu đã cao-mại mà xông pha sương tuyết như vậy, lỡ khi nóng lạnh bất kỳ thì mạch-mạch Phật-pháp trông cậy vào đâu? Ngài đáp rằng: thời tiết sắp đến rồi, ta chỉ còn tính đường giải-thoát mà thôi. Được mấy hôm, đến ngày rằm tháng mười, thời thấy tên gia-dòng của bà Thiên-thụy công chúa là chị ruột ngài lên bạch rằng: bà Thiên-thụy bệnh một lắm, chỉ còn chờ được thấy ngài là đi. Ngài nghe đoạn than rằng: sớm muộn cũng chẳng qua thời tiết nhân duyên. Đoan, ngài chống gậy hạ sơn, chỉ có một người thị giả đi theo, 10 ngày mới tới kinh. Ngài vào thăm thì bà Thiên-thụy đã một lắm, ngài dặn rằng: « nếu thời tiết đến thì chị cứ đi, song đến minh-gian có ai hỏi thời chị nói rằng tôi xin chờ em tôi là Trúc-Lâm đại-sĩ rồi sẽ cùng đến » ngài dặn xong rồi về núi, đi đến chùa Tú-lam núi An-sinh thì thấy nhưc đầu, ngài bảo 2 người thị-giả rằng: Ta muốn lên núi Ngọa-vân mà cước-lực yếu lắm, không

đi được. Hai người thị-siả bạch rằng ; đệ-tử chúng tôi xin phù ngài lên. Đi đến núi Ngọa-vân, ngài cho 2 người thị-giả xuống và dặn rằng : các người hạ sơn mà tu-hành, xin chớ coi sinh tử là nhân-sự.

Ngày 19, ngài cho lên núi Tử-siêu gọi ông Pháp-loa. Ông Pháp-loa đến, ngài cười mà bảo rằng : Ta sắp đi đây, người sao lại muộn vậy ? Rồi ngài dặn dò ông Pháp-loa những việc về sau, Pháp-loa hỏi : Tôn-đức bây giờ định đi đâu ? ngài đáp rằng :

一切法不生 一切法不滅
若能如是解 諸佛常現前
何去來之有

Nghĩa là các pháp ở thế-gian này không có gì sinh mà cũng không có gì diệt cả, nếu hiểu được như thế thì chư Phật thường hiện ra trước mắt, chẳng đi mà cũng chẳng lại gì cả.

Câu này nghĩa hơi huyền, tôi xin lược giải như sau này : Các pháp trong thế-gian này chỉ là một thể bình-đẳng như-như cả, chỉ vì nhân-duyên giả hợp hay lia tan mà in tưởng là có, là không, chứ thực không có sinh có diệt gì cả. Ví như đập đá nung vôi đá diệt thời vôi sinh ; hòa vôi làm vữa, vôi diệt thời vữa sinh ; hay là tuyết tan thành nước, tuyết diệt thời nước sinh ; nước bốc thành hơi, nước diệt thời hơi sinh ; người ta cũng vậy, qua kiếp này rồi kiếp khác, nhân duyên hợp thì là có nhân duyên lia thì lại thành không ; nếu không phá được cái vô-minh và dứt được cái nghiệp thì cứ luân-hồi trong vòng sinh tử đời đời. Nếu ngộ được nghĩa ấy mà tu cho rõ chân-tâm thì không còn mê hoặc gì nữa ; đã không mê hoặc thì tự nhiên thoát được luân-hồi, tiêu-dao nơi cực-lạc, dầu đâu cũng là cảnh giới niết-bàn cả.

Huyền bí thay là sự sống và sự chết ! Trừ phi người đạt-nhân có đủ tuệ-nhãn thì sao cho hiểu-thấu được.

Khi ngài đã dặn-dò ông Pháp-loa mọi việc rồi thì ngài yên-nhiên ngồi mà hóa. Chỉ gái ngài là bà Thiên-thụỵ cũng mất đúng giữa ngày hôm ấy.

Khi ngài hóa rồi, ông Pháp-loa lấy hương-thủy sái tịnh rồi rước ngài lên hỏa-dàn làm lễ. Vua Anh-tôn và các

quan triều-thần đưa long-gia đến rước ngọc-cốt và xá-lị về kinh, táng ở Đức-lăng ; lại lấy một phần xá-lị phong vào kim-tháp trên ở chùa Vân-yên núi Yên-tử, đề tên tháp là Huệ-quang kim tháp ; dâng tôn hiệu ngài là Đại-thánh Trần-triều Trúc-lâm đầu-đà Tĩnh-tuệ giác-hoàng điều-ngự tổ Phật.

Xem trong lịch-sử của ngài, lúc làm vua hết bốn pháp là bậc anh-quân, khi xuất-gia trọn công-duyên là nhà đạo-đức, xét trong lịch-sử xưa nay chưa từng có vậy.

Bây giờ tôi xin nói đến ngài Trúc-lâm đệ-nhị tổ tức là ngài Pháp-loa tôn-giả.

Ngài là người làng Cửu-la (1), phủ Nam-sách, ông thân-phụ ngài là họ Đổng, hiệu là Thuần-Mâu, bà thân-mẫu ngài là họ Vũ, đêm nằm chiêm bao thấy thần nhào cho một thanh kiếm rồi có mang sinh ra ngài. Mấy lần trước bà chỉ sinh thuần con gái, trong lòng lấy làm chán-nản, nên lần này có mang, trong lòng đã chẳng vui gì mà lại còn lấy làm phiền về sự sinh dục, định uống thuốc phá thai, nhưng uống đến 2 lần mà không phá, đành chịu thôi, đến khi sinh ra thì là con gái, ông bá mừng lắm ; vì có phá mà không hoại cho nên mới đặt tên là Kiên-Cương. Ngài tu-tính đĩnh-ngộ, miệng không nói câu, tính không ưa ăn những vị cá, thịt, hành tỏi.

Niên hiệu Hưng-long thứ 12, ngài 21 tuổi, gặp khi đức Điều-ngự đầu-tà đi du-phương, phá trừ dâm-tử, bố thí cho kẻ bần bệnh. Đức-Điều-ngự bấy giờ đang cần người pháp-tử nghĩa là tìm người tu-hành để nối dõi dòng đạo-pháp của mình, ngài Pháp-loa nghe tiếng mọi đến lễ đức Điều-ngự xin cầu xuất-gia, đức Điều-ngự trông thấy lấy làm lạ, phán rằng: người này có đạo-nhiên, ngày sau tất-nhiên thành pháp-khi, bèn cho tên là Thiện-Lai, đưa về núi Qui-linh thế phát thụ-y. Ngài ngộ đạo rất chóng, năm sau đức Điều-ngự thân thụ cho ngài g'ới thanh-vân và giới bồ-tát, cho tên hiệu là Pháp-Loa.

Niên-hiệu Hưng-Long thứ 14, đức Điều-ngự trụ-trì ở chùa Báo-án huyện Siêu-Loại, lập ngài làm giảng-chủ. Khi ấy ông Huyền-Quang cũng vừa mới xuất-gia theo nhà sư

(1) Nay là làng Tiên-trung tổng Vũ-la Hải-dương.

Bảo-Phác đến chùa nghe giảng, đức Điều-ngự liền nhận ông Huyền-Quang làm thị-giá và giao cho ngài trông nom.

Năm đinh-mùi, niên-hiệu Hưng-Long thứ 15, ngài vừa 21 tuổi, đức Điều-ngự lên trụ-trì ở am Ngoại-vân, lấy y-bát và bài kệ truyền-tâm trao cho ngài.

Năm mậu-thân, niên hiệu Hưng-Long thứ 16, ngài phụng mệnh làm lễ ở chùa Siêu-Loại, vua Anh-tôn đến chùa dự lễ. Vua lấy địa vị đàn-viết đứng ở khách-vị trên pháp-đường, còn các quan đều đứng ở dưới sân. Đức Điều-ngự lên tòa thuyết pháp xong, rồi xuống nhường chỗ cho ngài.

Đức Điều-ngự đùng đổi diện chấp tay vấn-tấn về đạo-pháp, đoạn, trao pháp-y cho ngài, mệnh cho ngài kể thể trụ-trì ở chùa Siêu-Loại, chủ sơn-môn Yên-tử, làm Trúc-Lâm đệ nhị đại, lại đem kinh sử, và ngoại thư 100 hòm và các thứ kinh đại-tạng tiểu giáp 20 hòm giao phó cho ngài để quảng truyền đạo-học. Xem như vậy thì khi bấy giờ ngài được truyền-thụ tâm-tôn, rịnh trọng biết dường nào ! Cũng năm ấy, ngài lại phụng sắc thụ giới xuất-giá bỏ-tát cho đức Tuyên-tử Hoàng thái-hậu và Thiên-Trình Trưởng công-chúa. Vua Anh-tôn mệnh quan Trung-thư thị-lang cấp độ-diệp cho ngài.

Tháng mười một năm ấy, đức Điều-ngự nhập diệt ở am ngoại-vân, ngài hốt tống xá li vào trong đại-núi an-trì.

Năm kỷ-dậu, niên-hiệu Hưng-Long thứ 17, nhà vua mở vu-lan đại hội, ngài phụng-mệnh lên đàn thuyết-pháp, những người thính-giảng ở thập-phương kéo về đông như nước chảy.

Năm Quý-sửu, niên hiệu Hưng-Long thứ 21, ngài phụng chiếu đến chùa Vĩnh-nghiêm phủ Lạng-giang định tăng chức trong thiên hạ, đặt già-lam hơn một trăm sở, tăng-đồ trong nước từ đấy mới có sổ sách phân-minh, đều ở trong tay ngài quản-lĩnh cả ; định lệ cứ 3 năm một lần độ tăng, mỗi lần có đến hàng nghìn người. Xem thế thì cách xếp đặt về thuyền-tôn đời bấy giờ cũng đã có qui-mô, trật-tự lắm.

Năm đinh-tị, niên hiệu Đại-khánh thứ 4, ngài bị bệnh kịch, đem cái áo của đức Điều-ngự truyền cho và bài kệ

truyền-lâm giao cho ông Huyền-quang, nhưng ông Huyền-quang cố từ.

Năm mậu-ngọ, ngài phụng chiếu giảng sách Tuyết-dậu ngữ-lục, phụng ngự-bút sắc phong cho la Phồ-Tế tôn-giả. Từ đấy vua Anh-tôn phàm có thư từ gì với ngài, đều xưng là đệ-tử, xem thế thì biết ngài đạo cao đức thạc và kiến trọng ở đời biết chừng nào !

Năm nhâm-tuất, niên-hiệu Đại-khánh thứ 9, ngài giảng kinh Hoa-nghiêm ở chùa Siêu-loại, người đi nghe giảng, đông kể hàng vạn; cùng năm ấy ngài phụng chiếu soạn sách tham-thuyền-yếu-chỉ. Văn chương của ngài rất có giá-trị.

Trong đời ngài đúc tượng Phật hơn một nghìn ba trăm tôn, dựng ra đài sát 2 sở, tháp 5 tòa, tăng-đường hơn 200 sở; độ cho tăng ni hơn một vạn năm nghìn người, đặc-pháp đệ-tử hơn 3000 người.

Năm canh-ngọ, niên hiệu Khai-hựu thứ 2, ngài đau (bấy giờ ngài 47 tuổi) bèn đem áo cà-sa của đức Diễu-ngự và viết bài lâm-kệ giao cho ông Huyền-quang hộ-trì; đức Thượng-hoàng thân lâm thăm bệnh, cho quan Thái-y lại trông thuốc, ngài cũng uống thuốc, không chối từ. Đến ngày mồng 3 tháng 3 thì bệnh trầm-trọng lắm. Đệ-tử bạch ngài rằng : Các bậc Tiên-đức lúc lâm chung đều có cho bài kệ để lại, sao ngài lại không ? Ngài ngồi dậy cầm bút viết cho 4 câu rằng :

† *Trần duyên rũ sạch từ xưa,
Hồn mười năm lẻ bấy giờ là tiên,
Hỏi chi thêm bận, thêm phiền,
Giảng trong gió mát là miền tiêu dao.*

Viết đoạn dứt bút xuống mà tịch, thọ 47 tuổi. Đệ-tử rước di-thờ ngài lên núi Thanh-mai. Thượng-Hoàng sai quan Trung-sứ đến viếng thăm, thân bút gia tặng 4 chữ *Tri-linh tôn giả*, đề tháp là Viên-thông.

Khi ngài tịch rồi, ông Huyền-quang chịu y-bát chầu truyền, quản lĩnh sơn-môn mà làm Trúc-lâm đệ tam tổ.

(Còn nữa)

BUI-ĐỨC-TRIỆU (Thái-bình)

NHỮNG ÁNG QUỐC-VĂN CỔ TRONG PHẬT HỌC

Qui nhất diệu chỉ 歸一妙旨

Trích trong sách Nhật-tụng
mục Hành-tri tập-yếu 行持輯要

Tu-tri tại một lòng tinh-dịnh,
Rũ sạch không chằng dính chút trần.
Trong ngoài đồng vững Lục căn (1),
Rèm che Bát-thức (2) tưởng ngăn Thất-tình (3).
Ngoài tinh-thanh đã không Tứ-tướng (4),
Trong điều-hòa chẳng vướng Vạn-duyên (5).
Hải trào (6) nghe đã kéo lên,
Luồn hang Kim-quật (7), ngược miễu Tào-khê (8).
Qua Song-quan (9) đường kia Tam-yếu (10).

(1) Lục căn 六根 = Sáu cái gốc cảm biết : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

(2) Bát-thức 八識 = Tám cái cảm biết tức là lục căn, a-lại-ra thức và tạng thức.

(3) Thất tình 七情 = Bảy mối tình : Mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét và muốn.

(4) Tứ tướng 四相 = Bốn bình tướng : Sinh, lão, bệnh và tử.

(5) Vạn duyên 萬緣 = Nhiều mối duyên.

(6) Hải-trào 海潮 = Tức là hải-trào-âm, kinh Phật bằng tiếng Phạm đọc lên như tiếng nước trào ngoài bể.

(7) Kim-quật 金窟 = Tên đất, Đức Ca-diếp mình có sắc kim-quang cùng các đệ-tử Phật kết tập kinh Tam-tạng ở hang kỳ-xà-quật 耆闍窟. Lại một thuyết Đức Kim-cương thủ Bồ-lát cùng Đức A-nan cùng kết tập các kinh ở đó.

(8) Tào-khê 漕溪 = Tên đất và tên một phái trong 5 phái Thủyên-tông.

(9) Song quan 雙關 = Hai cửa quan : Sinh với tử.

(10) Tam yếu 三要 = Ba chỗ cốt yếu : Giới, định và tuệ.

Lên diệu-ngàn (1) vào khiểu Nê-hoàn (2).
 Máy từ nghi-ngiút quanh ngàn,
 Tân-vần thức bạc, mê-man về hồng.
 Vô không-dịch (3) thối chung một ngón,
 Vô huyền-cầm (4) nghe lộn năm cung (5).
 Ba tòa Tam-bảo (6) hội-đồng,
 Trong không ngũ-uần (7), ngoài không lục-trần (8)
 Hợp bách-thần triêu-nguyên vững đỉnh.
 Rã tam-hoa (9) tụ-đỉnh đông bầu (10).
 Cam lồ đổ xuống trùng lâu,
 Chởng hơi tam-độc (11) nhưng màu ngũ hương (12).

(1) Diệu ngàn (ngàn) 妙岸 = Nơi cao vót, mẫu - nhiệm của đạo.

(2) Nê-hoàn 泥洹 = Cũng là nát-bàn mà dịch khác âm.

(3) Vô không dịch 無孔笛 = Cái sáo không lỗ, nghĩa là lòng tự có sáo.

(4) Vô huyền cầm 無絃琴 = Cái đàn không giây, nghĩa là lòng tự có đàn.

(5) Năm cung tức : Cung, thương, trụ, giốc và vũ là năm cung đàn thế gian.

(6) Tam bảo 三寶 = Phật, pháp và Tăng.

(7) Ngũ uần 五蘊 = Năm cái kho : Sắc 色 (thấy sắc) thụ 受 (chịu lấy), tưởng 想 (suy nghĩ, hành lý (hành động), thức 識 (biết).

(8) Lục trần 六塵 = Sáu vật ngoài : Sắc 色 (sắc tướng), thanh 聲 (các tiếng), hương 香 (các mùi), vị (các đồ ăn, súc 觸 (sự chạm thấy), pháp 法 (các phép tắc thế-gian).

(9) Tam hoa 三華 = Sách Huyền - nghĩa : « Tam hoa lục, liên thành 三華落,蓮成 ». Nghĩa là bỏ Tam thừa đi thì chứng được Nhất-thừa cũng như cánh hoa sen rụng đi thì hạt sen kết thành.

(10) Đông bầu 冬瓢 = Quả dưa mùa đông, tức là « đông qua ấn-tử 冬瓜印子, » tên một thứ ấn quyết.

(11) Tam độc 三毒 = Ba cái nọc độc : Tham, sân, si.

(12) Ngũ hương 五香 = Năm thứ tâm hương : Giới hương, tuệ hương, giải thoát hương, giải thoát tri-kiến 解脫知見 hương.

Mở tí ra gió hazy chẳng lộng,
 Soi tuế vào trăng động càng thanh.
 Như như chân-tỉnh viên-minh (1),
 Linh-dài (2) chẳng bận, trung-dinh (3) chẳng mê.
 Hạt cam-lồ dương-chi (4) dỏ xuống,
 Đóa Liên-hoa vững cứng hừng lên.
 Rỏi vào bình ngọc như in,
 Khôn trong ý-tử giữ gìn công-phu.
 Chờ vọng-tưởng xông lò phiến-nâu.
 Dừng hôn-mê lạnh chận giác-minh.
 Eúc rên bát-nhã (5) cho tỉnh,
 Eề-hồ (6) nước lãng hư-linh ngọc tì ôn.
 Sóng bề lãng, trạng tròn lên lỗ,
 Khi núi hòa, tuyết rỏ dưới trăng,
 Huyền-vi dâm lộ thiên-công.
 Mưa hè xương mát, tiểi đông nâng nòng,
 Chuyển pháp-luân rộng vòng thế-giới
 Soi tịch-quang rút lưới cần-khôn,
 Mẽ châu treo sáng chẳng mòn.
 Càng mãi hương nhật, càng tròn tnh trăng.
 Fã phân-bản dặng chùng viêm-đức (7),
 Lại hoán-nguyên đấng mực kim-diễn (8).
 Bấy giờ quả đã đức nên.
 Tìm nơi thủy tú, lên miền sơn thanh,

(1) Tỉnh chân r hư lúc nào cũng vẹn tròn sáng lãng.

(2, 3) Linh dài 靈臺 Trung-dinh 中庭 = Đều là nơi tâm ta.

(4) Dương-chi 楊柳 = Cành dương-liễu nhúng nước cam lồ rưới cho chúng sinh.

(5) Bát-nhã 般拏 = Tri-tuệ.

Đề-hồ 醍醐 = Một thứ đồ ăn và vị thuốc rất quý ngon và bổ ở nước Phật, do sữa bò chế luyện ra, đây là ví với đạo vị cũng ngon bổ như thế.

(7) Viêm-đức 炎德 = Đức nãt-bãn rất nóng và mạnh đốt cháy mọi sự sinh-tử.

(8) Kiêm-diễn 金田 = Nơi chùa Phật, do diễn lãt vàng mua đất làm tịnh-xã rước Phật mà ra.

Rũ xuống hết mọi tình thầy-thầy,
 Xem như không chớ lấy « có ta ».
 Thanh-hư mới thấu gần xa,
 Ba thân (1) cũng một ba tòa (2) cũng chung.
 Càng kiên-cố ngồi không điện-bích (3),
 Càng viên-minh soi sạch tâm-nguyên.
 Vô-vi ấy mới tự-nhiên (4),
 Trí mẫu nào có, pháp huyền cũng không (5).
 Tâm chẳng vướng vào vòng mộng-tưởng,
 Tỉnh liền không như rặng Thái-hư
 Tảnh-thời Ngân Giác cửa Từ,
 Bờ-đề ấy bậc. Chân như ấy vời,
 Còn trụ-thế, tìm nơi lập-giáo.
 Lại đồng-trần (6) lấy đạo hóa-nhân.
 Tùy-cơ « liệm đốn » (7) chuyển lần,
 Cổ xoay tình-liến cổ vẫn hôn-mê.
 Mới lên đến ngàn kia tịnh-độ (8),
 Chớ xuống chi đường nợ luân-hồi (9).
 Lấy gương Bát-nhã mà soi,
 Hoàng-hoa thủy-trúc (10) dưng chồi chân-như,
 Ất vẹn tròn Ti-lư tính hải (11).
 Chẳng ngắt che chướng ngại tâm-nguyên

(1) Thân quả-khử, thân hiện tại và thân tương lai.

(2) Tức là Tam-bảo.

(3) Điện-bích 面壁 = Tô Đại-ma ngồi thuyền định trông vào vách.

(4, 5) Nghĩa là liễu-ngộ hết thầy, không trấp chược gì.

(6) Đồng-trần 同塵 = Cùng ở với người ta trong cõi trần.

(7) Tiệm 漸, đốn 頓 = Tiệm là dần dần, Đốn là nhanh chóng hai phép giáo hóa.

(8) Tịnh-độ 淨土 = Cõi đời Cực-lạc sạch-sẽ.

(9) Luân-hồi 輪迴 = Quanh-quần sinh vào sáu đạo.

(10) Hoàng hoa 黃華 thủy trúc 翠竹 = Hoa cúc vàng, lá trúc xanh, coi cảnh-vật đều là chốn đạo vị cả.

(11) Ti-lư tính hải 毗盧性海 = Những đức tính trong giới luật rộng như bể.

Tùy căn giảng giải nghĩa huyền,
 Cứ y chính lý chân truyền chớ ngoa.
 Chớ tự đắc, tự-khoe rằng tri,
 Chớ tự kiêu tự nghì rằng hay.
 Hãy tu phúc-tuệ cho đây,
 Độ-nhân lợi vật thom bay hương thuyền.
 Ấy tông tiền tu-tri chính-định,
 Mat-hậu rồi sẽ định về sau.
 Dám dẫu kẻ xiết nhẽ mầu.
 Dưới trên hãy học cho lâu đạo truân .
 Kia voi xuống lội vùng bể Bắc (1),
 Nọ kinh lên nhầy bạc non Nam (2)
 Gió kia thanh-thấu chẳng phạm,
 Triệu-châu ngọn bách, Hương-nham cõi lòng (3)
 Phật diện úp đèn lồng chẳng tối,
 Tu-di (4) dầm nước nổi nào lay.
 Tản thân hồi cổ (5) diệu thay.
 Đứt kia Sư-tử chốn này tượng-vương (6)
 Xoay vần cũng lên đường bình cảnh,
 Xu gầu nào mỗi bánh ngư xa (7).
 Nhìn xem Bắc-đầu (8) một tòa,
 Nam thôi lại bắc, bắc đã lại nam

(1-2) Vì cơ thuyên mầu-nhiệm phi-thường.

(3) Triệu-châu là nơi Tùng-nấm thuyên sư tu, Hương-nham là nơi Tri-nhàn Thuyên-sư tu. Có bài kệ nói: giống bách Triệu-châu, thông Hương-nham chỉ để dẫn gió mát, chứ không dùng làm gì khác.

(4) Tu-di 須彌 = Tên núi, sách Phật cho cả cõi Thích-thiên, nhân-gian, địa-ngục đều ở vào trong một quả núi Tu-di.

(5) Tản thân 散身, hồi cổ 迴骨 = Nhấn, rên, ngoảnh, xoay

(6) Tượng-vương 象王 = Voi đầu đàn, nói đạo pháp cao hơn đời đi đến đâu cũng được phục được cả, cũng như sư-tử tượng-vương uy phục bách thú vậy.

(7) Ngư xa 牛車 = Xe trâu, đại-thặng tế độ nhiều hơn tiểu-thặng ví như xe trâu trở nặng hơn xe khác.

(8) Một vì sao giữa trời làm theo trời xoay vần, ý nói đạo-pháp xoay vần cả càn-khôn cũng như sao Bắc-đầu.

Ngũ-thập-tam, có công hành-bổ (1),
 Tam-ngũ về một phổ viên dung (2).
 Điều thay một gậy hóa rồng,
 Nuốt càn-khôn được lạ lòng sao ! hay (3).
 Kia Thạch-nữ lên mây thời quyền (4),
 Nọ một-nhân xuống biển dâng ca (5).
 Mấy lời thực lý chẳng ngoa,
 Ngũ tạng Chư tổ (6) mở ra lòng từ.
 Đều tu lấy chân-như bản-linh,
 Kẻo luống ngồi vọng-định ngoan-không (7).
 Ngẫm xem Mã-tổ dụng công,
 Đến khi một hộp cạn giếng Tây giang (8).
 Đã thanh-tĩnh lên đường giác-ngạn,
 Lại từ-bi đủ càn tiếp-nhân.

Sa-môn THÁI-HÓA sao lục

(1) Thiện-tài đồng-tử di cầu học 53 thầy mới đắc đạo chính-giác, gọi là « Ngũ-thập tam-tham 五十三參 ». Đắc đạo rồi mới đi bố giáo.

(2) Tóm có 35 đức Phật, gọi là Tam-thập-ngũ Phật, đức Thích-ca đúng đầu và cùng hợp một đạo mẫu.

(3) Tổ Văn-môn có hai câu kệ : Một con gậy hóa rồng, nuốt chửng cả càn-khôn.

(4-5) Hai câu kệ cổ, tả nghĩa thuyền mẫu-nhiệm hay ho khác nhạc-ca thế-gian

(6) Ngũ tổ chư tông 五祖諸宗 = Thuyền-tông sau Lục-tổ ở Trung-quốc phân ra năm phái. Mỗi phái có nhiều tổ tông truyền giáo.

(7) Vọng định, ngoan-không 妄定頑空 = Định không hợp lý là vọng định, không thực-hành đạo là ngoan không.

(8) Mã-tổ tức Đạo-nhất Thuyền-sur ở xứ Giang-tây đời Đường, khi đắc đạo có câu kệ : Húp một hộp cạn sông Tây giang.

BA MÓN TU-LƯƠNG SANG TỈNH-ĐỘ

(Bài diễn văn của sư cụ Tang-Cang Phúc-chỉnh diễn tại chùa Hội-quán Ninh-bình)

Nói đến « môn tỉnh-độ », chắc các ngài thính-giả đều đã hiểu biết rằng đó chính là một pháp-môn tu đạo Phật rất giản-dị, một con đường về cõi Cực-lạc rất nhanh chóng, Thực thể. Bởi vì đạo Phật nhiệm-mầu, rộng rãi vô-cùng, mà kinh sách, đạo pháp đầy dẫy, chông chất vô cùng, phép tu thân hành đạo cũng tinh-tế khó-khẩn vô cùng, song rút lại cũng chỉ là cốt để cầu lấy cho thân sau của mình cùng thân sau của chúng-sinh được về cõi Cực-lạc vui-thú đời đời mà thôi.

Một phép tu đề cầu cho được như thế, thì không còn phép nào tiện tiệp bằng phép tu của « môn Tỉnh độ ». « Môn tỉnh-độ » dạy rằng: người ta muốn được sau về cõi tỉnh-độ là cõi đất thanh-tịch của Phật, tức là cõi Cực-lạc yên vui đời đời, thì phải phát nguyện đề cầu được sinh về cõi ấy. Phát nguyện rồi thì cứ một câu sáu chữ hồng-danh là « Nam-mô A-di-đà Phật » mà niệm mãi hàng ngày. Đối với các kinh sách, các đạo Pháp trong Phật-giáo, nếu người có thì giờ thư-nhàn và tri-tuệ sáng-lãng thì càng học tập được nhiều thêm càng hay, còn người bị bận nhiều công việc làm ăn hoặc tư-chất tri-độn, thì chỉ cứ phát-nguyện rồi niệm Phật đề cầu vãng-sinh như trên ấy là được.

Cũng vì thế cho nên phép tu « môn Tỉnh độ » này, xưa nay thịnh-hành lắm. Trong từ các bậc cao tăng đại-đức thuyên-gia cũng nhiều bậc tu về môn này. Ngoài thì từ vương công đến sĩ thứ phần nhiều đều tu về môn này cả.

Tuy thế nhưng mà, chúng ta lại phải biết rằng: các đấng Tổ sư đặt ra « môn tỉnh-độ » này là tìm lấy phép dẫn đi cho ta tu, tìm lấy đường nhanh chóng cho ta đó thôi. Nghĩa là bớt cho ta cái công trình tự tìm kiếm ở trong các

rừng kinh bề luật mới thấy được phép tu và đường về cõi Phật đó thôi. Chờ thực ra thì ngoài sự phát-nguyên vãng-sinh và hằng ngày niệm Phật ra, cũng còn phải làm bao nhiêu những sự-trang thực-tế gì để tích lũy lấy công-duyên cho mình mới được, có phải chỉ phát-nguyên và niệm Phật không như thế mà được đâu.

Vì vậy trong sách « *Vân thê Tịnh thổ vãng-ngữ* » 雲棲淨土堂語 đã chỉ rõ cho ta biết rằng : đi về Tịnh-độ cũng phải có tư-lương để ăn đường mới về tới nơi được, cũng ví như ta đi lên Hanoi nơi trung-ương hội Phật-giáo bây giờ cũng phải có tư-lương để làm lộ-phí mới lên tới nơi được. Vì thế mà tôi nói về vấn-đề *ba món tư lương sang tịnh-độ* này. Song cái tư lương đi con đường đời thì dùng bằng vật có hình, mà cái tư-lương đi về cõi Tịnh-độ thì lại phải dùng bằng vật vô-hình. Ba món tư-lương ấy Chư tổ đã chỉ rõ cho ta biết mà lộ-liệu trước, tức là : « *Tin* (信), *hạnh* (行) và *nguyện* (願) » Vậy ba điều « *Tin, hạnh, nguyện* » này chính là ba món tư-lương rất thiết-thực để ăn đường đi về Tịnh-độ, không có đủ ba món ấy không được, mà thiếu một món nào cũng không được.

Khi chúng ta định đi du lịch một phương xa, hay là định trở về chốn cố-hương cách-diễn, thì trước khi lên đường, chúng ta phải lo liệu sắm sửa mọi đồ nhu-dụng và tiền-nong để đem đi tùy thân cho đủ. Song nếu chúng ta biết trước mà tính được sẽ phải cần đến những đồ dùng gì, phải dự bị bao nhiêu tiền-nong, mà trừ-liệu sắm-sửa trước đi lại càng châu-đáo mà không lo gì giữa đường thiếu-thốn túng-ni.ữ nữa. Công việc trừ-liệu sắm-sửa tư-lương để về chốn cố-hương Tịnh-độ của chúng ta cũng phải như thế, không khác gì.

Trên kia tôi đã nói : « *Tin, hạnh, nguyện* » là ba món tư-lương của chúng ta ăn đường đi về Tịnh-độ. Vậy dưới đây tôi lại xin giải-thích cho biết nghĩa ba món tư-lương ấy là thế nào, và cách thực-hành phải như thế nào, tức là cái công việc trừ-liệu trước để chúng ta cũng biết mà sắm sửa sớm đi, sớm ở trước khi mong cầu được về Tịnh-độ.

Nay lần-lượt giải-thích nghĩa ba món tu-lương « Tin, hạnh và nguyện » như sau này :

Thế nào là « Tin »? Tin là một lòng chuyên-chú tin theo về một việc gì. Trong sách « Văn-thế tịnh-thở vọng-ngữ » về thiền « Tri danh niệm phật 持名念佛 »... nói rằng :

« 人道要門。信爲第一。惡事非信。尙不成就。况善事乎。Nhập đạo yếu môn, tin vi đệ nhất; ác sự phi tin, thượng bất thành tựu, huống thiện sự hồ. » Nghĩa là : Tin là một cái của quan-vếu thứ nhất để đi vào đường đạo. Đối với việc ác mà không tin cũng không làm nên được nữa là đối với việc thiện dư

Bởi thế cho nên, ta cứ xem ngay nhiều những kẻ trộm cướp kia, khi việc trộm cướp tiết-lộ ra, họ bị quan trên trừng-trị, không phải là không nghiêm-khắc. Thế mà sau khi được tha rồi, chúng nào lặt ấy, họ vẫn không chừa. Thế là làm sao? Là họ tin rằng làm nghề nghiệp ấy có cái lợi cho họ. Cho nên họ đành chịu mọi sự nguy-hiểm khổ-sở mà không hối-hận. Giá họ không tin là có lợi thì không bao giờ họ làm nghề ấy. Làm điều ác cũng cần có lòng tin, huống chi làm điều thiện mà không có lòng tin thì làm thế nào được. Vậy biết niệm Phật để cầu sinh về Tịnh-độ cũng cần có lòng tin. Trước phải tin rằng ta ma hết lòng niệm Phật một cách thành-thực để cầu sinh về Tịnh-độ, thì thế nào sau này ta cũng được như nguyện, có tin như thế thì mới giữ bền được một lòng không lúc nào sai nhãng. Mà có giữ bền được một lòng không lúc nào sai nhãng thì việc làm mới thành-công. Minh cứ chắc ở trong bụng mình rằng việc tu-trì này tuy có khó-khăn, nhưng được quả phúc viên-mãn và được vãng-sinh về nơi Cực-lạc, thì sự ích lợi lại biết là nhường nào. Tu Tịnh-độ thì đức tin thực là món tu-lương đệ nhất.

Thế nào là hạnh? — Hạnh là giới-hạnh, là cái căn-bản phát sinh ra mọi sự công-đức. Phạm mọi việc tu-thân hành-đạo đều phải là người giới-hạnh hoàn-toàn mới thành, mà việc tu về tịnh-độ lại càng cần có giới-hạnh đầy đủ mới được.

Giới sinh ra hạnh, muốn có hạnh tốt, phải giữ giới cho kiên. Tại-gia thì *ngũ-giới*, *thập thiện*, xuất-gia thì có giới của các bậc *xa-di*, *lĩ-khâu*, *Bồ-tát* vân vân.

Giới đã giữ trọn vẹn thì hạnh tất được mĩ bị, hạnh đã mĩ-bị thì việc làm tất đều được hợp với đạo. Do tin mà chuyên cần niệm Phật, do niệm Phật mà thiện-căn trong lòng càng thêm nảy-nở. Bấy giờ nhờ có những đức-hạnh tốt đem thực-hành mọi thiện-căn ra để làm lợi ích cho mọi người, ấy là cái bậc thang cho mình lập nên mọi công-đức, tức là những công việc làm phúc. Làm được một điều thiện tức là mình tích được một công-đức hay là một việc phúc đó. Cho nên bài « *Khuyến-tu* » trong sách « *Vân thê Tịnh-thở vãng ngữ* » có câu rằng :

Nhân thiên lộ thượng, tác phúc vi tiên

人天路上。作福爲先。

Sinh tử hải trung, niệm Phật đệ nhất

生死海中。念佛第一。

Nghĩa là được lên hai con đường sinh về cõi trời hay là về cõi người, mà không bị sa đọa về ba nẻo địa-ngục, ngã-qui và súc-sinh, là phải lấy sự tác phúc làm đầu. Còn như muốn vượt ra khỏi cái bể sinh-tử luân-hồi thì còn cần phải lấy việc niệm Phật làm việc đệ nhất. Coi đó thì biết rằng được sinh ở cõi người cõi trời, hay là về cõi cực-lạc là đều phải có tác phúc, có chí-tâm qui-y về với Phật mới được.

Còn nữa



PHẬT-HỌC DANH-TỪ

佛學名詞

- A-nỗc-da-la Tam-diệu Tam-bồ-đề** 阿耨多羅三藐三菩提 (Tiếng Phạm : Amitara-samyak-sambodhi) Một tên về đạo-pháp của Phật : *Á* là vô, (không) *nỗc-da-la* là thượng, *tam* là chính, *diệu* là dũng (bác) *bồ-đề* là giác (đạo), nghĩa là một cái đạo-pháp chân-chính tới bậc chân-chính trên hết không còn gì hơn, tức là : *vô thượng chính-dũng chính-giác*.
- Phật** 佛 (Tiếng Phạm : Bouddha) = Giác, tỉnh, thức, như đang mơ-màng mà tỉnh thức hiểu thấu mọi lẽ mọi việc và dạy cho mọi kẻ khác cũng tỉnh thức hiểu thấu như mình.
- Pháp** 法 = Đạo pháp lý-luật của Phật, ba tạng kinh chép những lời của Phật tức là pháp.
- Quán-âm** 觀音, **Quán-thế-âm** 觀世音 = Tên hiệu một vị Bồ tát, thị-giả của đức A-di-đà, nghĩa là ngài xét biết hết những tiếng kêu cầu khổ-não của chúng-sinh ở cõi thế-gian mà tới nơi cứu-độ. Tục thường đọc là *Quan-âm* thì chưa đúng nghĩa. Vì « *quán* 觀 », là đã xét thấu, mà « *quan* 觀 » là còn xem xét.
- Sơn-môn** 山門 = Ban đầu chùa thường lập ở núi rừng, nên chùa gọi là Sơn-môn. Nhân đó các chùa ở đâu cũng gọi là Sơn-môn. Lại những đồ-đệ trong mỗi chùa cũng gọi là Sơn-môn tức là một phái nhỏ.
- Sơn-tăng** 山僧 = Sư tu ở rừng núi.
- Thắng-cảnh** 勝景 = Cảnh đẹp.
- Tại-gia** 在家 = Tin-dõ Phật mà có gia-dình ở nhà như thường.
- Tinh-tiến** 精進 = Một đức-tính tốt của Phật, làm việc ngày càng tinh-mật càng tiến tới thêm lên.

Phú : ỜỜỜỜỜ «Đuốc Tuệ»

Vàng vặc như sao xa, ấy là một bó đuốc.

Đuốc Tuệ mới ra đời, gây nên nhiều công cuộc.

Cứu những kẻ : Nghiệp ác xoay quanh, giầy oan đàng buộc.

Địa ngục cơ đầy, vạc dầu sôi luộc,

Súc-sinh ngã-quỷ, trăm nỗi buồn rầu,

Kiểm-thụ đao-sơn, làm trò như nhuộm.

Sao đến nỗi cơ cừu ? Bởi không có tri-tuệ,

Muốn rõ tình-chân-như. Muốn giữ Tâm-bản-thê,

Sáng suốt vốn lành Trời. long lạnh như nước bễ,

Vũng một niềm tư bi, giấu tấm lòng phở-tế,

Tránh ác mà theo lành, cứu dân và độ thế.

Mầm nhân quả phúc, hưởng thụ hoàn toàn.

Bề khổ bến mê, lầy trù ác tệ.

Vấy vũng cảnh liễn, phúc trạch khôn lường.

Sực nước hoa sen, thân quang xiết kẻ.

Thi phôi : Đuốc-Tuệ thuộc làm lòng,

Đuốc-Tuệ đọc không trễ.

Dũng mãnh tình liễn tới chốn kỳ cùng.

Huyền bí tình vì lỗ nơi cõi rỗ.

Nương nhờ cửa Pháp, bề bầy buồm từ.

Lạc đặc mở Kinh, câu kinh tiếng kẻ.

Phát bốn tám nguyện, tự lược đến sau,

Tu ba sáu dưỡng, coi khó làm dễ.

Suy ra làm việc Bồ-tát, ích lợi chúng-sinh,

May ra tới cõi Nat-bàn, chành vênh cửu bệ.

Chấn-hưng gặp hội, luyện-dương đạo Phật làm đầu.

Đuốc-Tuệ ra đời, mục-đích cứu người là thế.

NGUYỄN-THIÊN-CHÍNH

Tri-huyện Văn-lâm

VIỆC THẾ - GIỚI

Về việc Ý Á chiến tranh, hai chính-phủ Anh, Pháp đã cùng nhau thương-sắc mãi thảo xong bản hoà ước gửi cho Ý và Á. Theo bản hoà ước ấy thì Á phải nhường cho Ý một giải đất ở ngoài rìa để cho thuộc - địa Erythré (Ri-Tơ-rê) và Somalie (Sômaly) của Ý được giao thông trực tiếp với nhau. Xem chừng Ý hơi thuận theo hoà ước ấy, nhưng còn muốn được quyền kiểm xét nội-chính và hợp-tác về kinh-tế ở cả nước Á kia. Còn vua Á thì đã gửi thư trả lời hội quốc-liên nhất định không thừa nhận bản hoà ước ấy. Hiện ở mặt trận hai bên vẫn đang đánh nhau rất dữ.

— Phong-trào nhiễu loạn ở Ai-cập đã hơi dịu, vì quan đại-biểu Anh ở Ai-cập đã hứa với dân chúng Ai-cập thì hành hiến-pháp cho Ai-cập hoàn-toàn tự trị và thừa nhận cho vào hội quốc-liên, Chính-phủ Ai-cập cũng đã thuận theo ý dân mà cho được phổ thông đầu phiếu tuyển cử.

— Người Nhật đem binh lực áp bách Tàu phải để cho mấy tỉnh Hoa-bắc lập thành Chính-phủ tự trị, lại lợi dụng một bọn Hán-dân có thể lực lấy danh nghĩa khôi phục đế-vị Mãn-Thanh để cô-động lòng người cho dễ và làm cho cơ-sở tự trị được vững-vàng hơn. Chúng bàn định bây giờ tuyên bố tự-trị, rồi thì rước Phò-nghi trở về Bắc-binh, chọn ngày 1er Mars 1936 lên ngôi Hoàng-đế. Chính-phủ Nam-kinh Tàu phải Hà-ứng Khâm lên Bắc điều-dinh với người Nhật chịu để Hoa-bắc tự trị mà là ủy-viên hội tự trị của Chính-phủ Tàu cho phép thiết lập để giữ thể diện về phần mình; nhưng ý người Nhật lại định lấy cả năm tỉnh Sơn-đông, Sơn-tây, Bắc-binh, Tuy-viên, Sát-cáp-nhĩ lập thành hẳn một nước tự trị Hoa-bắc kia; Hà phải hỗ Bắc-binh mà trở xuống nam; Chính-phủ Tàu trước cũng đã dự bị phải đại-quân lên bắc mà không biết làm sao lại chẳng thấy

quyền kể chống cự với Nhật nữa, chỉ thấy có mấy lá thư cầu cứu đưa tới hai chính-phủ Anh.Pháp và hội quốc-liên.

— Chính-cục nước Pháp lại chưa được yên ổn hẳn. Đảng xã-hội và cấp-tiến-xã-hội lại định chất vấn nội-các về bản thảo hoà nghị Ý Á; họ nói chính-phủ Pháp sao lại quá thiên vị Ý mà bỏ mất tồn-chỉ hội quốc-liên; thủ-tướng Laval (lavan) trả lời và xin nghị-viên đầu phiếu tín nhiệm. Kết quả cuộc đầu phiếu nội-các được 306 phiếu tín nhiệm đối với 252 phiếu phản đối. Thế là nội-các lại đứng vững.

VIỆC TRONG NƯỚC

Lễ dâng tôn-thoại đức Khôn-nguyên-Thái-hoàng-thái-hậu đã cử hành ngày 12 Décembre. Theo lệ cũ, sau khi dâng tôn-thoại, có ân-chiếu lượng xá các tù phạm, ban tứ các ần-quan còn cha mẹ được khắc một bức hoành bôn chữ « Thọ khảo duy kỳ » và những nghĩa-phu tiết-phụ hiếu-tử thuận-tôn cũng đều được khắc một bức hoành khâm tứ. Đến ngày 20 Décembre đã cử hành lễ ninh-lăng đức Khôn-nguyên-thái-hoàng-thái-hậu.

■ 5 giờ rưỡi hôm 19 Décembre quan Toàn-quyền đã đi khánh thành con đường Hồi-xuân Hoà-bình là con đường vận tải bằng ô-tô được, hai bên có rất nhiều lâm-sản.

■ Ngày 21 Décembre, hội chợ Hải-phòng đã khai mạc.

■ Một trận hoả-tai rất nhớn ở cạnh nhà diêm Hà-nội làm cho hơn 200 nhà bị điều-dừng cực khổ. Các nhà từ thiện Hà-nội có chẵn cấp liền, gạo, áo và chiếu. Hội Phật-giáo cũng sẽ có giúp cho các nhà bị nạn mỗi nhà ít tiền.

■ Thuế cư trú đem bàn ở hội-dồng thành phố hôm trước, nay đã nhất định bãi hẳn rồi.

Công việc tiến hành của hội Phật-Giáo

Ngày 7 Novembre 1935 ban Quản-trị hợp Hội-đồng tại Hội-quán bàn những việc sau này :

1) Xét tờ trình về việc lý-tài của ông phó thủ-quỹ Lê-Toại.

2) Việc thi kiến chùa, ông Nguyễn-văn-Vĩnh có trình hội-đồng về mấy ý-kiến của các nhà kiến-trúc thỉnh-cầu, hội-đồng nhờ ông Nguyễn-văn-Vĩnh thảo điều-lệ rồi định hạn đăng lên các báo cho các nhà dự-thi biết.

3) Việc in kinh lễ Sáu phương, việc này không lấy tiền ở quỹ hội, do ban Quản-trị mỗi người cùng 5 p.00 còn thiếu thời quyền thêm ở các hội-viên và người ngoài, hội-đồng định in 20000 quyển để phát.

4) Việc phát hành tờ báo Đuốc-Tuệ, hội-đồng định rằng sau khi tờ báo ra đời về phần lý-tài lỗ thòi hội phải chịu, lãi thòi dùng vào việc mở trường học và in kinh.

Ban Đại-lý hội Phật-giáo Phú-thọ thành-lập ngày 13-7-35. Trưởng ban bên tăng là sư cụ Thanh-San chùa Dục-mỹ, trưởng-ban bên tại-gia là ông Lê-văn-Lệ kiêm-học Phú-thọ. Hội-quán đặt tại chùa Thăng-sơn gần tỉnh-lỵ Phú-thọ.

Ban Đại-lý hội Phật-giáo Khoái-châu Hưng-yên thành-lập ngày 7-8-1935, Trưởng-ban bên tăng là sư cụ chùa Lạc-thủy, trưởng-ban bên tại-gia là ông Lê-văn-Hiệu, Chánh-tổng Đông-kết. Hội-quán đặt tại chùa làng Đông-kết.

Ban Đại-lý hội Phật-giáo Từ-kỳ (Hải-dương) thành-lập ngày 29-8-1935. Trưởng-ban bên tăng là sư cụ Nguyễn-văn-Tường trụ-tri chùa Gia-xuyên, trưởng-ban bên tại-gia là ông Phạm-văn-Huống, Nghị-viên xã An-lão. Hội-quán đặt ở chùa Gia-xuyên.

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỠ

Những vị hội-viên quá-cổ ghi tên sau này, bản hội đã đều cử người đến phúng. Chư lǎng và ban hộ-niệm của hội đã đi tiếp dẫn tǎy quy và đã đều đạt các Linh-vị thờ tại chùa hội-quán, lần lượt đến tuǎn Tứ-cửu vị nào thời hội làm lễ cầu siêu đō cho vị ấy.

Chủ-trì Hội-viên bà Phạm thị-Huyền xã Hưǎng-dương, phủ Thường-tín Hà-đōng quy tịch 18-8 ất-hợi (15-9-1935),

Ông Lê-vǎn-Lực 49 tuổi, Phǎn - sự huru-trì Thiên-vǎn-dài Kiến-an quy tịch 26-7 ất-hợi, (24-8-1935).

Bà Vũ-thị Quý 20 tuổi, số 190, phố Lê-lợi Hanoi quy tịch 11-7 ất-hợi (9-8-1935).

Ông Lưu-Thụy 78 tuổi, số 64, hàng Dầu Hanoi quy tịch 13-9 ất-hợi, (10-10-1935).

Ông Bùi-vǎn-Nhiễm, số 40, phố Jambert Hanoi quy tịch 14-9 ất-hợi, (11-10-1935).

Bà Doǎn-thị-Lý, làng Hoǎng-mai Hà-đōng quy tịch 15-9 ất-hợi, (12-10-1935).

Bà Hà-thị-Phúc, 69 tuổi, số 61, hàng Bát-sứ Hanoi quy tịch ngày 25-9 ất hợi, (22-10-1935).

Ông Phạm-đình Mai 69 tuổi, làng Kim-cam huyện Thanh-hà, Haidương, quy tịch 13-10 ất-hợi, (18-11-1935)

